TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **170**/2023/HC-PT
Ngày: 24-5-2023
V/v: "*Khiếu kiện về hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**
Các Thẩm phán: ông **Trương Minh Tuấn**
ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông **Lê Phước Thạnh**; Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 299/2022/TLPT - HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Khiếu kiện về hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại"*.

- *Người khởi kiện:* Ông Lăng Văn L, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn 13, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như H; sinh năm 1970.
Địa chỉ: Thôn C, xã E1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.
- *Người bị kiện:*
1. Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình Ch – Phó chủ tịch UBND huyện E. Địa chỉ trụ sở: Số 09, đường T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Mạnh H1: Ông Phạm Xuân H1 – Phó chủ tịch UBND xã C – có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người khởi kiện trình bày

Năm 1993 gia đình ông Lăng Văn L nhận sang nhượng của ông Lăng Văn L1 trú tại thôn 11 xã C 01 lô đất có diện tích đất ruộng khoảng 6.000m^2 lô đất có tọa lạc tại lòng hồ thôn 13 xã C huyện E Đăk Lăk giá thỏa thuận sang nhượng 1 triệu đồng. Lô đất ông L1 có nguồn gốc nhận sang của ông Vi Văn S1 và ông Vi Văn C1 thôn 11 xã C từ năm 1989, ông Vi Văn S1 và ông Vi Văn C1 khai hoang từ năm 1985. Lô đất của gia đình ông L tranh chấp có tứ cận như sau: Phía bắc giáp ông Phan Văn S. Phía nam giáp đất ông Hoàng Văn B và đất ông Hoàng Văn C2. Phía Tây giáp đường. Phía đông giáp suối và giáp đất ông Hoàng Văn H2.

Vào năm 2003 UBND huyện E thu hồi diện tích đất của thôn 11 và thôn 13 đã thu hồi là 33. 600m^2 đất của các hộ dân diện tích đất này đã đền bù bằng đất cho các hộ dân trong đó gia đình ông L được nhận một phần diện tích đất là 3.100m^2. Thế nhưng khi việc thi công xong và đóng đập thì cao trình của thượng lưu nước dâng cao vượt quá diện tích đất 33,600m^2 của phạm vi thu hồi dẫn đến diện tích đất bị ngập của nhiều hộ dân không thuộc diện phải thu hồi lên đến hàng chục ngàn m^2. Trong đó của gia đình ông L có khoảng 3000m^2. Sau khi đất bị ngập gia đình ông L làm đơn kiến nghị khiếu nại rất nhiều gửi các Cơ quan chức năng đề nghị đền bù diện tích xâm phạm mà không thuộc diện phải thu hồi. Ngày 06/8/2005 UBND xã C thông báo số: 12/TB-UB của UBND xã C cho rằng phần diện tích đất này là đất do Lâm nghiệp quản lý nên không thuộc diện xác định thiệt hại và hiện tại địa phương không còn quỹ đất dự phòng để đền bù cho gia đình ông L. Không đồng ý thông báo số:12/TB-UB ngày 06/8/2005 của UBND xã C, gia đình ông L tiếp tục có đơn khiếu nại rất nhiều lần nhưng không được giải quyết. Do đó năm 2017 gia đình ông L làm giấy ủy quyền cho tôi để thay mặt gia đình ông liên hệ các Cơ quan chức năng để được giải quyết theo quy định. Sau khi giấy ủy quyền có hiệu lực tôi đã làm rất nhiều văn bản đề nghị UBND huyện E giải quyết dứt điểm việc đền bù diện tích đất cho gia đình ông L.

Ngày 07/7/2021 tôi nhận được Quyết định số: 10/QĐ-UBND đề ngày 29/6/2021 của UBND xã C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu cho rằng đất của gia đình ông L thuộc Công ty Lâm nghiệp E quản lý do đó không thuộc diện bồi thường. Tiếp đó không đồng ý Quyết định số: 10/QĐ-UBND ngày 29/6/2021

của UBND xã C. Ngày 25/10/2021 tôi tiếp tục khiếu nại đề nghị UBND huyện E giải quyết khiếu nại một cách khách quan đảm bảo về quyền lợi cho gia đình ông L. Ngày 30/4/2022 tôi nhận được Quyết định số: 207/QĐ – UBND đề ngày 27/4/2022 của UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại lần 2. Tại Quyết định này UBND huyện nhận định gia đình ông L đã nhận đền bù là 3100m^2 đất ruộng ngoài ra UBND huyện cho rằng ông Lăng Văn L không có 3000m^2 đất còn lại như đơn khiếu nại của ông là không đúng.

Như vậy qua xem xét giải quyết khiếu nại Quyết định số 207/QĐ – UBND ngày 27/4/2022 của UBND huyện E và Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND xã C là không đúng sự thật nhận thấy hồ sơ thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng của UBND huyện E có nhiều mâu thuẫn và sai phạm về việc thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng.

Cụ thể về sai phạm:

Thứ nhất: Qua kiểm tra tài liệu, hồ sơ, bản đồ địa chính thì diện tích đất của gia đình ông L nêu trên đã trả về địa phương quản lý.

Thứ hai: Biên bản họp ngày 13/12/2001 UBND xã C Pi hợp Ban tự quản thôn tổ chức họp dân cam kết tự giải quyết đền bù, giải tỏa mặt bằng công trình tu sửa kênh mương, đập chứa nước thôn 11 và thôn 13 xã C thì không có hộ dân nào ký tại biên bản này.

Thứ ba: Tại thời điểm thu hồi đền bù không có trích lục bản đồ hiện trạng, không có bản đồ địa chính, đo đạc giải thửa, không có Quyết định thu hồi đất, không có Quyết định phê duyệt phương án đền bù cho các hộ dân.

Thứ tư: Tại thời điểm năm 2003 đền bù cho các hộ dân chưa đắp đập, cao trình chưa có nước, chưa ngập lên phần diện tích đất hiện tại gia đình đang khởi kiện.

Thứ năm: Diện tích thu hồi đền bù của UBND huyện là 33.600m^2 (3,36 ha) nhưng thực tế diện tích đất bị ngập hiện nay là khoảng 10.000.m^2 (10 ha) có số lượng tăng gấp đôi diện tích đất thu hồi đền bù. Tại sao UBND huyện không đo đạc lại để xác định diện tích bị ngập để giải quyết khiếu nại một cách công tâm khách quan.

Thứ sáu: UBND xã C cho rằng đất này của Công ty Lâm nghiệp E quản lý nên không được nhận tiền đền bù là không đúng. Tại sao 11 hộ dân có đất tự lấn chiếm đất của Lâm nghiệp trái phép UBND xã đề xuất UBND huyện xem xét hỗ trợ kinh phí khai hoang cánh đồng lúa dưới chân đập để bù đắp cho 11 hộ dân lấn chiếm trái phép này.

Thứ bảy: Đất này của Công ty Lâm nghiệp E quản lý tại sao UBND xã C và UBND huyện E thu hồi là không đúng, Nếu đất Công ty Lâm nghiệp quản lý thì việc thu hồi đền bù là thẩm quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk

Thứ tám: đất của 11 hộ dân trên có cùng nguồn gốc khai hoang và nhận sang nhượng cùng thời điểm mặt khác cùng một thửa đất liền kề nằm trong lòng hồ nhưng có nhiều hộ dân được nhận đền bù trong đó ông L cũng đã được nhận một phần đền bù 3100m^2 phần còn lại 3000m^2 không được nhận đền bù.

Như vậy qua xem xét hồ sơ thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng lòng hồ thôn 11 và thôn 13 nhận thấy có nhiều sai phạm việc đền bù không đúng theo quy định của pháp luật, không khách quan sai về mặt hình thức và sai về nội dung, đền bù không đúng đối tượng dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của gia đình ông L đặc biệt nghiêm trọng "Bởi vì" đất của gia đình ông L nhận sang nhượng của ông Lăng Văn L1, ông L1 nhận sang nhượng của ông S1 và ông C1 có nguồn gốc khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1985. Gia đình ông L nhận sang nhượng là ngay tình và sử dụng ổn định từ năm 1993 đến năm 2003 UBND huyện thu hồi thì đền bù một phần bằng đất là 3100m^2 phần còn lại 3000m^2 chưa được nhận tiền đền bù.

Mặt khác tại buổi đối thoại vào ngày 16/3/2022 cán bộ địa chính UBND xã C thừa nhận tại thời điểm thu hồi đền bù thì kiểm đếm phần diện tích đất phía dưới là 3100m^2 phần này đã đền bù bằng đất cho ông Lăng Văn L. Phần tiếp giáp còn lại chưa đền bù bởi lý do trước đó không có dự tính thu hồi diện tích đất này của ông L. Sau khi đóng đập thì cao trình nước lòng hồ nước vượt quá dự toán diện tích thu hồi nên có ngập thêm diện tích đất 3000m^2 của ông Lăng Văn L và ông L đã có đơn nhiều năm nay chưa được giải quyết dứt điểm. Bên cạnh đó Công văn số: 55/CV-UBND ngày 18/7/2017 và báo cáo số: 17/BC-UBND ngày 22/4/2019 của UBND xã C đã thừa nhận có 05 hộ dân bị ngập chưa được nhận đền bù.

Từ các tài liệu có trong hồ sơ đã cho thấy việc UBND huyện E thu hồi đền bù giải phóng mặt bằng không có Quyết định thu hồi đất, không có Quyết định phê duyệt phương án đền bù, bồi thường, hỗ trợ, không đền bù diện tích đất 3000m^2 còn lại cho gia đình ông L là xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia đình ông L đặc biệt nghiêm trọng gây thiệt hại tài sản kinh tế gia đình ông L nhiều năm nay lên đến hàng trăm triệu đồng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy bỏ 01 phần Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện E và 01 phần Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND xã C. Buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ, đền bù diện tích đất 3000m² còn lại cho gia đình tại hồ thôn 11 và thôn 13 xã C huyện E nêu trên theo quy định.

2. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện E trình bày:

Đối với diện tích đất 6000m² mà ông Lăng Văn L trình bày: Tại thời điểm xây dựng hồ chứa nước thôn 11 và thôn 13 xã C, diện tích đất trên đã có chủ là Công ty Lâm nghiệp huyện E quản lý. Ngày 13/12/2001, UBND xã C tổ chức cuộc họp bàn giao công tác giải phóng mặt bằng, để xây dựng Hồ thủy lợi thôn 11 và thôn 13 được nhân dân thống nhất tại cuộc họp bằng biên bản. Ngày 05/6/2002, UBND xã tổ chức kiểm đếm diện tích đất ruộng bị ngập tại lòng hồ thôn 11 và thôn 13 để xây dựng đập thủy lợi thôn 11 và thôn 13; 11 hộ có diện tích đất sản xuất tại lòng hồ Pi hợp với UBND xã, BQT 2 thôn cùng xác định tổng diện tích đất ruộng bị ngập bằng biên bản lập với từng hộ dân ký xác nhận và có ký xác nhận của Thôn trưởng là 33.600m² trong đó: có hộ ông Lăng Văn L tham gia ký biên bản xác định thiệt hại 3.100m² đất ruộng.

Theo quy định tại Điều 6, Điều 30 Luật đất đai năm 1993, toàn bộ diện tích đất đã xác định tại biên bản với 11 hộ là 33.666m² không được hỗ trợ, bồi thường nhưng do đồng bào di cư tự do từ phía bắc vào làm ăn sinh sống, cuộc sống khó khăn, UBND xã đề xuất UBND huyện xem xét hỗ trợ kinh phí để khai hoang cánh đồng, ruộng dưới chân đập để cấp bù lại cho 11 hộ chiếm đất lâm nghiệp trái phép của Công ty lâm nghiệp huyện E quản lý đã kiểm đếm trên. Nhằm tháo gỡ khó khăn trong cuộc sống cho 11 hộ và tạo điều kiện cho nhân dân 2 thôn có nước để tổ chức sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, thu nhập ổn định cuộc sống, góp phần xóa đói giảm nghèo.

Sau khi khai hoang xong, năm 2003, UBND xã đã lập Phương án trả lại đất cho 11 hộ, có hộ ông L và được UBND huyện E phê duyệt tại Quyết định số 482/QĐ-UB ngày 28/10/2003 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án giao đất cho các hộ có ruộng bị ngập trong lòng hồ thôn 11 và thôn 13, xã C. Năm 2003 ông Lăng Văn L đã nhận lại 3.100m² đất ruộng bị thiệt hại theo biên bản lập ngày 05/6/2002 với UBND xã. Ngoài ra không có biên bản nào khác của UBND xã C xác nhận có diện tích đất lúa 3000m² của hộ ông L bị thiệt hại như đơn khiếu nại ghi ngày 25/10/2021. UBND xã C đã thực hiện đúng phương án được UBND huyện E phê duyệt tại Quyết định số 482/QĐ-UB ngày 28/10/2003 của UBND huyện E.

Từ những căn cứ trên, UBND huyện E ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn

Như H (lần 2) với nội dung "Công nhận và giữ nguyên nội dung kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND xã C là đúng".

Trên cơ sở các hồ sơ, chứng cứ, tài liệu trình bày trên UBND huyện E nhận thấy:

Việc UBND huyện ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Như H (lần 2) là đúng quy định của pháp luật đất đai. Do đó, việc ông Lăng Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy 01 phần Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND huyện E và 01 phần Quyết định số 10/QĐ_UBND ngày 29/6/2021 của UBND huyện E và xã C phải thực hiện việc đền bù diện tích đất 3000m² còn lại là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

3. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã C trình bày:

Hồ chứa nước thông 11 + 13 được xây dựng theo Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 28/10/2003. Trong quá trình xây dựng công tác giải phóng mặt bằng được UBND xã C Pi hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện đã lập phương án bồi thường và được UBND huyện phê duyệt ngày 28/10/2003 với tổng diện tích thu hồi khoảng 07 ha (Theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án khả thi công trình chứa nước hồ 11+13). Trong đó có 3,1 ha đất thuộc UBND xã C quản lý, diện tích còn lại khoảng 3,9 ha do công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E quản lý.

Đối với phần diện tích đất do UBND xã C quản lý. Căn cứ vào biên bản, hồ sơ lưu trữ phần diện tích đất để xây dựng công trình đã xác định 11 hộ thiệt hại với diện tích 3,36 ha gồm 2 hạng mục: Lòng hồ, kênh dân nước (Trong đó có 3,1 ha lòng hồ, còn lại 0,26 ha kênh dẫn nước tưới nội đồng) các hộ cam kết tự giải quyết đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình xây dựng hồ thôn 11 +13.

Đối với phần đất do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp E quản lý: UBND xã C đã mời Công ty Lâm Nghiệp E, Ban quản lý dự án huyện, phòng nông nghiệp huyện, BTQ thôn 11+13 tiến hành kiểm tra thực địa ranh giới thửa đất bị ngập do xây dựng hồ 11+ 13 về phía nam lòng hồ. Qua xác định 4 điểm tọa độ bằng máy định vị GPS xác định (tọa độ VN 2000) và đối chiếu trên bản đồ địa chính phần đất đó thuộc Công ty lâm nghiệp E quản lý, không giao cho ai, chưa liên kết với tổ chức, cá nhân nào để sản xuất.

Ngày 05/6/2002, UBND xã C đã rà soát từng hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để xác định diện tích đất ruộng bị ngập nước khi xây dựng đập thủy

lợi thôn 11+13 nhưng chỉ có hộ ông Lăng Văn L có diện tích đất ruộng bị ngập là 3.100m² đã được đền bù bằng đất, không có đất của bà Lộc Thị L, ông Dương Văn Đ, ông Dương Văn L, ông Lộc Văn S bị ngập theo biên bản xác định (có biên bản kèm theo).

Ngày 13/12/2002, UBND xã C Pi hợp với Ban tự quản thôn 11+ 13 tổ chức họp dân, có 37/37 hộ tham gia cuộc họp và hoàn toàn nhất trí, thống nhất không có ý kiến gì đối với việc cam kết tự giải tỏa mặt bằng để xây dựng công trình, tu sửa kênh mương, đắp đập chứa nước thôn 11+13 xã C nhằm phát triển kinh tế xã hội theo dự án đã được phê duyệt và được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành tại quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 23/10/2003, UBND xã C lập phương án giao đất cho các hộ có đất ruộng lúa nước bị ngập trong lòng hồ thôn 11+13 xã C và UBND huyện E đã phê duyệt phương án của UBND xã C bằng Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 28/10/2003.

Diện tích đất ông L chưa được bồi thường có nguồn gốc mua của ông Vi Văn C1 (đã chết), việc mua bán không có giấy tờ gì, không xác định diện tích là bao nhiêu, phần dưới giáp suối, phía trên giáp đất công ty Lâm Nghiệp. Ông L khẳng định chữ ký tại biên bản xác định diện tích thiệt hại ngày 05/6/2002 đúng là chữ ký của ông.

Quá trình làm việc với ông Vi Văn P, ông P cho rằng Tại thời điểm thu hồi đất làm hồ thôn 11+13 ông P đang làm thôn trưởng thôn 13 xã C có họp dân thống nhất, nhất trí những hộ có đất bị thiệt hại do xây dựng hồ 11- 13 được hỗ trợ lại bằng đất lúa nước từ quỹ đất khai hoang và có công khai phương án thu hồi, bồi thường hỗ trợ về đất. Tại thời điểm đo để bồi thường thì các ban ngành liên quan đã thông báo cho ông L và các ông bà có đất phía nam hồ thôn 11+ 13 (phía đuôi hồ) là đất của Công ty Lâm nghiệp nên không đo cũng không được bồi thường, tại thời điểm đó các hộ cũng không có ý kiến gì. Khi thu hồi đắp đập xong, chia đất xong khoảng 2 năm sau ông L mới có ý khiếu kiện.

Về phần diện tích đất của ông L bị thiệt hại trong lòng hồ khi xây dựng đập 11+13 là 3.100m² đã được đền bù và đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả. Diện tích còn lại phía trên đuôi hồ thuộc đất Lâm nghiệp nên không thuộc diện được xác định thiệt hại để đền bù.

Sau khi khai hoang xong, năm 2003, UBND xã đã lập Phương án trả lại đất cho 11 hộ, có hộ ông L và được UBND huyện E phê duyệt tại Quyết định số 482/QĐ-UB ngày 28/10/2003 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án giao đất cho các hộ có ruộng bị ngập trong lòng hồ thôn 11 và thôn 13, xã C.

Từ những căn cứ trên, UBND xã C ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Như H (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật đất đai. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử bác đơn khởi kiện của ông L.

Với nội dung như trên, Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 118/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 158; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Điều 6, Điều 30 Luật Đất đai 1993; khoản 2 điều 1 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998; Điều 6 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 và điểm 1, phần d Thông tư 145/1998/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 1998 của Bộ Tài Chính.

Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lăng Văn L về việc hủy 01 phần Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện E và 01 phần Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND xã C, buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, đền bù diện tích đất 3000m² còn lại cho ông Lăng Văn L.

2. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2022, người khởi kiện ông Lăng Văn L có đơn kháng cáo đề nghị Toà án phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Như H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày. Người khởi kiện ông Lăng Văn L đồng ý với phần trình bày của ông H, ngoài ra việc mua bán đất giữa ông, ông L1, ông C1

ông S1 có giấy viết tay nhưng đã bị thất lạc, ngoài ra không sửa đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà có ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật: Toà án phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng các quy định của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lăng Văn L là đúng pháp luật. ông L không có chứng cứ gì mới; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND xã C và Quyết định số 207 ngày 27/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện E được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lăng Văn L thì thấy:

Đối với việc ông L cho yêu cầu UBND huyện E bồi thường thiếu diện tích 3000m^2, HĐXX xét thấy. Ngày 05/6/2002, UBND xã tổ chức kiểm đếm diện tích đất ruộng bị ngập tại lòng hồ thôn 11 và thôn 13 để xây dựng đập thủy lợi thôn 11 và thôn 13; 11 hộ có diện tích đất sản xuất tại lòng hồ Pi hợp với UBND xã, BQT 2 thôn cùng xác định tổng diện tích đất ruộng bị ngập, có biên bản lập với từng hộ và có ký xác nhận của Thôn trưởng là 33.600m² trong đó, có hộ ông Lăng Văn L tham gia ký biên bản xác định thiệt hại sẽ ngập 3.100m² đất ruộng. Diện tích này ông L đã được bồi thường bằng đất theo phương án phê duyệt không có kháng cáo.

[2.1] Đối với diện tích 3000m^2 theo ông Lăng Văn L, năm 1993 gia đình ông L nhận sang nhượng của ông Lăng Văn L1 trú tại thôn 11 xã C 01 lô đất có diện tích đất ruộng khoảng 6.000m^2 lô đất tại lòng thôn 13 xã C huyện E Đắk Lắk. Nguồn gốc Lô đất ông L1 nhận sang của ông Vi Văn S1 và ông Vi Văn C1 thôn xã C từ năm 1989, lô đất này được ông Vi Văn S1 và ông Vi Văn C1 khai hoang từ năm 1985. Tuy nhiên, việc mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất

giữa ông C1 và ông L không có bất cứ loại giấy tờ gì hợp pháp. Đồng thời, tại phiên toà sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay ông L cũng xác nhận. Việc mua bán đất trước đây có giấy viết tay nhưng không cung cấp được, việc chuyển nhượng không thể hiện sơ đồ vị trí, diện tích gì cả. Không có xác nhận việc chuyển quyền sử dụng đất cũng như xác nhận người sử dụng đất và của cả chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Việc kháng cáo ông L yêu cầu bồi thường 3.000m^2 còn lại không có bất cứ tài liệu gì chứng minh .

Mặt khác, quá trình giải quyết khiếu nại UBND xã C đã mời Công ty Lâm Nghiệp E, Ban quản lý dự án huyện, phòng nông nghiệp huyện, BTQ thôn 11+13 tiến hành kiểm tra thực địa ranh giới thửa đất bị ngập do xây dựng hồ 11+ 13 về phía nam lòng hồ. Qua xác định 4 điểm tọa độ bằng máy định vị GPS xác định (tọa độ VN 2000) và đối chiếu trên bản đồ địa chính phần đất đó thuộc Công ty lâm nghiệp E quản lý, không giao cho ai, chưa liên kết với tổ chức, cá nhân nào để sản xuất.

Xét thấy; Toà án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Lăng Văn L là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại Toà án cấp phúc thẩm người khởi kiện ông L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lăng Văn L giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại VKS.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[3] Về án phí: ông Lăng Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 158; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Điều 6, Điều 30 Luật Đất đai 1993; khoản 2 điều 1 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998; Điều 6 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 và điểm 1, phần d Thông tư 145/1998/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 1998 của Bộ Tài Chính.

Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện của ông Lăng Văn L.

2. Giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 118/2022/HC-ST ngày 23/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Lăng Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai số 0022481 ngày 19/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn